

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC / CAO ĐẲNG  
NGÀNH ĐÀO TẠO: CỬ NHÂN TIẾNG ANH  
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC**

- 1.1 Tên môn học:** Nghe Nói 3  
**1.2 Mã môn học:** ENGL2301  
**1.3 Trình độ:** Đại học / Cao đẳng  
**1.4 Ngành:** Cử nhân Tiếng Anh  
**1.5 Khoa phụ trách:** Khoa Ngoại ngữ  
**1.6 Số tín chỉ:** 3 (tương đương **50 tiết** x 45 phút)  
**1.7 Yêu cầu đối với môn học:**
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã vượt qua được môn Nghe Nói 2
  - Yêu cầu khác: Không có

**1.8 Yêu cầu đối với sinh viên:**

- Tham dự lớp **ít nhất 80%** số tiết quy định.
- Tự học các phần nội dung được chương trình và giáo viên quy định.
- Tự trang bị giáo trình học tập chính.
- Tham gia các hoạt động lớp do giáo viên tổ chức.

**2. MÔ TẢ MÔN HỌC VÀ MỤC TIÊU**

2.1 Môn Nghe Nói 3 là môn thực hành kỹ năng nghe nói thứ ba trong 7 cấp độ Nghe Nói của chương trình đào tạo cử nhân Tiếng Anh hệ đại học / 4 cấp độ của chương trình đào tạo cử nhân Tiếng Anh hệ cao đẳng. Đây cũng là môn điều kiện để sinh viên có thể học tiếp môn Nghe Nói 4.

Ngoài việc thực hành giao tiếp ngôn ngữ nói bằng Tiếng Anh ở trình độ trung cấp (intermediate), môn học còn giúp sinh viên từng bước phát triển các kỹ năng mềm, đặc biệt là khả năng tự học và khả năng làm việc theo cặp và theo nhóm.

2.2 Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể nghe hiểu nội dung chính các bài hội thoại và bài giảng ở mức độ trung cấp, và có thể giao tiếp về những chủ đề thông dụng hàng ngày.

**3. HỌC LIỆU**

**3.1 Giáo trình chính:**

- Tanka, Judith & Paul Most. 2007. *Interactions Two: Listening/ Speaking*, Silver Edition, McGraw-Hill.
- Rogers, Bruce. 2000. *Peterson's TOEFL Success*, Peterson's.

### 3.2 Một số tài liệu tham khảo:

- Anderson, Jason. 2006. *Role Plays for Today*. Delta Publishing.
- Craven, Miles. 2004. *Listening Extra: A resource book of multi-level skills activities*. Cambridge University Press.
- Gallagher, Nancy. 2004. *DELTA's Key to the TOEFL® Test*. Delta Publishing Co.
- Gammidge, Mick. 2004. *Speaking Extra: A resource book of multi-level skills activities*. Cambridge University Press.
- Harmer, Jeremy. 2004. *Just Listening and Speaking*. Marshall Cavendish.
- Liz and John Soars. 2003. *New Headway*, 3<sup>rd</sup> ed. Oxford University Press.
- Miller, George S. 2000. *Cracking the TOEFL*. Princeton Review Publishing.
- Pyle, Micheal A. & Page, Mary Ellen Munos. 2001 – 2002. *Cliff TOEFL, Preparation Guide*. 5<sup>th</sup> ed. ETS.
- Pamela, Shape J. 2001. *How to Prepare for the TOEFL®*, 10th ed. Baron's Educational, Inc.
- Rogers, Bruce. 2002. *Peterson's TOEFL CBT Success*. Thompson.

## 4. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá qua các tiêu chí như sau:

### 1. Kiểm tra trong lớp (*5 short quizzes*):

- Trong/sau mỗi bài học trong giáo trình chính sinh viên sẽ làm một bài kiểm tra ngắn phần Nghe và Từ vựng (4 bài – nội dung bài kiểm tra do giáo viên phụ trách lớp quyết định và có thể kiểm tra vào bất kỳ thời điểm nào trong học kỳ không cần báo trước thời gian cho sinh viên)
- Vào tuần thứ 15 sinh viên sẽ làm 1 bài kiểm tra ngắn (TOEFL, Part B, khoảng 20 câu trắc nghiệm phần Nghe)

### 2. Thi Nói cuối khóa (*end-of-course oral examination*):

Hình thức	Nội dung	Thang điểm (10 điểm)
Đàm thoại (SV ↔ SV) ( <i>conversations</i> )	Hỏi đáp dựa trên các tình huống cho sẵn ( <i>questions and answers using prompt materials</i> )	10

- ☞ *Ghi chú:* Nội dung các câu hỏi thi nói phù hợp với mục tiêu thực hành trong chương trình học. Sinh viên không được giáo viên cho câu hỏi trước.

3. Thi Nghe cuối khóa (*end-of-course listening examination*):

Dạng câu hỏi	Số lần nghe	Số câu hỏi	Thang điểm (10 điểm)
Trả lời ngắn ( <i>short answers for main ideas or details</i> )	02	10	02
Điền từ vào bài tóm tắt/ dàn ý cho sẵn ( <i>summary/outline filling</i> )	02	15	03
Trắc nghiệm ( <i>TOEFL multiple choice questions for extended conversations</i> )	01	20	05

☞ *Ghi chú:* Nội dung các bài nghe (trừ phần TOEFL) liên quan tới các chủ đề đã học trong lớp.

4. Điểm môn học:

$$\text{Điểm môn học} = (\text{điểm thi nghe} + \text{điểm thi nói}) / 2$$

## 5. NỘI DUNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 5.1 Tóm tắt nội dung:

Trong chương trình Nghe Nói 3, sinh viên sẽ tiếp tục được:

- Luyện tập nghe hiểu và thực hành các kỹ năng đàm thoại cơ bản (*basic listening and conversational strategies*) sau:
  - nghe và phân biệt các từ có dấu nhấn (*stressed words*), và dạng rút gọn thông dụng trong ngôn ngữ nói (*reductions*),
  - nghe hiểu các ý chính của hội thoại, bài giảng ngắn,
  - luyện tập cách ghi chép bài giảng,
  - thực hành các giao tiếp trong các tình huống xã hội (*social interactions*) và diễn đạt ý kiến (*expressing opinions*).
- Làm quen và thực hành phần 2 bài thi nghe TOEFL – nghe các mẫu hội thoại dài (*listening for extended conversations*), tập trung vào những kỹ năng để làm bài thi TOEFL giấy.

## 5.2 Nội dung chi tiết môn học:

Time (period)	Learning objectives	Suggested resources	Notes
9	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ To listen to a conversation and distinguish between main ideas and details. (1)</li> <li>▪ To identify and practice stressed words. (2)</li> <li>▪ To identify and practice reduced pronunciation. (3)</li> <li>▪ To practice using language to show interest. (4)</li> <li>▪ To use a lecture introduction to predict content. (5)</li> <li>▪ To practice writing effective lecture notes. (6)</li> <li>▪ To use a Venn diagram to compare and contrast. (7)</li> <li>▪ To compare university systems in different countries. (8)</li> <li>▪ To talk about cheating. (9)</li> <li>▪ To listen and get meaning from context / intonation. (10)</li> <li>▪ To make, accept, and refuse invitations. (11)</li> <li>▪ To use expressions of locations and describe map locations. (12)</li> </ul>	(1 – 12) Tanka & Most (2007), pp.2-25	(2), (3) & (10) are for self-study.
3	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ To focus on the TOEFL test (Part B: Extended Conversations) Lesson 11: Anticipating Questions About Extended Conversations</li> </ul>	Rogers (2000), pp.72-74	Students are expected to do more home listening of the same types.
9	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ To listen to a conversation and distinguish between main ideas and details. (1)</li> <li>▪ To identify and practice stressed words. (2)</li> <li>▪ To identify and practice reduced pronunciation. (3)</li> <li>▪ To ask for, give, and refuse advice. (4)</li> <li>▪ To outline a lecture. (5)</li> <li>▪ To take notes on a process. (6)</li> <li>▪ To talk about entrepreneurs. (7)</li> <li>▪ To get meaning from context. (8)</li> <li>▪ To distinguish between <i>teens</i> and <i>tens</i>. (9)</li> <li>▪ To talk about managing money. (10)</li> </ul>	(1 - 10) Tanka & Most (2007), pp.50-73	(2), (3), (8) & (9) are for self-study.
Time (period)	Learning objectives	Suggested resources	Notes
3	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ To focus on the TOEFL test (Part B: Extended Conversations) Lesson 12: Answering Overview Questions About Extended Conversations</li> </ul>	Rogers (2000), pp.75-76	Students are expected to do more home listening of the same types .

9	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ To listen to a conversation and distinguish between main ideas and details. (1)</li> <li>▪ To identify and practice stressed words. (2)</li> <li>▪ To compare and practice reduced and unreduced forms. (3)</li> <li>▪ To apologize and reconcile. (4)</li> <li>▪ To take notes on causes and effects. (5)</li> <li>▪ To talk about jobs and careers. (6)</li> <li>▪ To roleplay a job interview. (7)</li> <li>▪ To get meaning from context. (8)</li> <li>▪ To recognize the intonation of tag questions. (9)</li> <li>▪ To recognize the sequence of events. (10)</li> <li>▪ To talk about “Men’s” and “Women’s” Jobs. (11)</li> </ul>	(1 – 11) Tanka & Most (2007), pp.74-99	(2), (3), (8) & (9) are for self-study.
3	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ To focus on the TOEFL test (Part B: Extended Conversations) Lesson 13: Answering Detail Questions About Extended Conversations Mini-Test 2: Extended Conversations</li> </ul>	Rogers (2000), pp.77-80	Students are expected to do more home listening of the same types.
9	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ To listen to a conversation and distinguish between main ideas and details. (1)</li> <li>▪ To identify and practice stressed words. (2)</li> <li>▪ To ask for help and favors. (3)</li> <li>▪ To take notes on a lecture. (4)</li> <li>▪ To talk about changes in the American family. (5)</li> <li>▪ To pronounce linked phrases. (6)</li> <li>▪ To get meaning from context. (7)</li> <li>▪ To compare lifestyles in different countries. (8)</li> <li>▪ To interpret information in a line graph. (9)</li> <li>▪ To talk about numbers and percentages. (10)</li> </ul>	(1 – 10) Tanka & Most (2007), pp.100-123	(2), (6) & (7) are for self-study.
5	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Assessment</li> </ul>		End-of-course oral examination

## 7. GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

- Họ và tên: Nguyễn Như Quỳnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: ĐH Mở Tp. Hồ Chí Minh, 97 Võ Văn Tần, Q.3.
- Địa chỉ liên hệ: ĐH Mở Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại, email: 0989051082 – quynh.nn@ou.edu.vn

**Ban giám hiệu**

**Trưởng phòng QLĐT**

**Trưởng khoa**